

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

02-03

Báo cáo tài chính hợp nhất

04-30

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

04-05

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

06-07

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

08-09

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10-30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Lê Văn Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Nguyễn Việt Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Tường An	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Dương Quân Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Bà Trần Ngọc Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021
Ông Đặng Quốc Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2021

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn
Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		166.581.562.710	127.341.833.122
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.760.722.688	8.402.797.697
111	1. Tiền		5.760.722.688	8.402.797.697
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		148.113.256.420	100.273.181.246
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	134.499.006.420	82.039.721.826
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.614.250.000	17.583.459.420
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	9.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	-	650.000.000
140	IV. Hàng tồn kho	9	11.915.106.716	17.992.697.764
141	1. Hàng tồn kho		11.915.106.716	17.992.697.764
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		791.476.886	673.156.415
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	29.335.838	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		762.141.048	673.156.415
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		159.915.077.009	132.407.870.476
220	II. Tài sản cố định		12.899.575.181	10.105.475.083
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.899.575.181	10.105.475.083
222	- Nguyên giá		20.429.358.979	16.200.558.979
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.529.783.798)	(6.095.083.896)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	144.000.000.000	119.086.264.942
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		144.000.000.000	119.086.264.942
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.015.501.828	3.216.130.451
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.015.501.828	3.216.130.451
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		326.496.639.719	259.749.703.598

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		65.437.769.139	13.780.761.079
310	I. Nợ ngắn hạn		65.437.769.139	13.780.761.079
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	18.266.584.618	5.530.302.155
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	884.442.850	485.283.930
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	218.357.891	-
320	4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	37.823.000.000	-
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.245.383.780	7.765.174.994
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		261.058.870.580	245.968.942.519
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	261.058.870.580	245.968.942.519
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		171.671.440.000	171.671.440.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		171.671.440.000	171.671.440.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		39.750.000.000	39.750.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.122.691.890	3.882.587.497
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.251.031.184	28.638.148.058
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		27.831.574.101	16.846.712.146
421b	LNST chưa phân phối năm nay		15.419.457.083	11.791.435.912
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.263.707.506	2.026.766.964
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		326.496.639.719	259.749.703.598



Hoàng Thị Kim Lan
 Người lập



Hoàng Thị Kim Lan
 Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2021		Quý IV năm 2020		Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021		Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	118.782.737.640	93.232.623.921	295.871.378.600	242.993.320.551				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-				
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		118.782.737.640	93.232.623.921	295.871.378.600	242.993.320.551				
11	4. Giá vốn hàng bán	18	108.601.373.393	84.556.506.237	276.049.055.645	229.413.547.444				
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.181.364.247	8.676.117.684	19.822.322.955	13.579.773.107				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	256.367	419.164	170.305.570	849.740.911				
22	7. Chi phí tài chính	20	467.989.752	-	830.239.959	-				
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		467.989.752	-	830.239.959	-				
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	58.473.653				
25	9. Chi phí bán hàng	21	497.842.510	528.602.400	497.842.510	528.602.400				
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	560.499.021	267.247.791	1.896.336.904	1.461.903.492				
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.655.289.331	7.880.686.657	16.768.209.152	12.497.481.779				
31	12. Thu nhập khác		44.490	24.300.000	44.490	2.670				
32	13. Chi phí khác	23	216.000	469.280	174.126.002	6.677.651				
40	14. Lợi nhuận khác		(171.510)	23.830.720	(174.081.512)	(6.674.981)				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

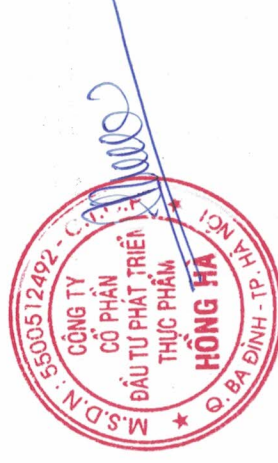
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

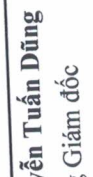
Quý IV năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh		Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021		Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.655.117.821	7.904.517.377	16.594.127.640	12.490.806.798		
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	454.058.224	400.921.376	937.725.850	485.587.133		
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-		
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.201.059.597	7.503.596.001	15.656.401.790	12.005.219.665		
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	8.050.358.790	7.364.640.519	15.419.457.083	11.791.435.912		
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	150.700.807	138.955.482	236.944.707	213.783.753		
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	870	870	659		




Hoàng Thị Kim Lan
Người lập


Hoàng Thị Kim Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
			đến 31/12/2021	đến 31/12/2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.594.127.640	12.490.806.798
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.434.699.902	1.230.813.528
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(170.305.570)	(849.740.911)
06	- Chi phí lãi vay		830.239.959	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.688.761.931	12.871.879.415
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(38.929.059.807)	18.113.704.370
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.077.591.048	(5.371.281.529)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		12.517.924.572	1.625.526.247
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		171.292.785	211.138.168
14	- Tiền lãi vay đã trả		(393.524.177)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(538.566.931)	(499.608.596)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.405.580.579)	26.951.358.075
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.228.800.000)	(15.000.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	15.000.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.001.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	24.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(25.000.000.000)	(50.000.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		170.305.570	849.740.911
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(38.059.494.430)	(25.150.259.089)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		57.436.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(19.613.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		37.823.000.000	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2021	Từ ngày 01/01/2020
			đến 31/12/2021	đến 31/12/2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.642.075.009)	1.801.098.986
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.402.797.697	6.601.698.711
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>5.760.722.688</u>	<u>8.402.797.697</u>

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Hoàng Thị Kim Lan
Người lập
Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022

Hoàng Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thực phẩm Hồng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5500512492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 171.671.440.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 171.671.440.000 đồng; tương đương 17.167.144 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến nông sản sơ chế, chủ yếu là sản lát và ngô hạt sấy.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn thóc ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cường Sinh Yên Châu	Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	98,14%	98,14%	Kinh doanh nông, lâm sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay và nợ

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- *Giai đoạn từ 01/01/2021 đến 23/06/2021*: Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2029) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm (kể từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp".
- *Giai đoạn từ 24/06/2021 đến 31/12/2021*: Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.746.733.875	1.383.840.883
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.988.813	7.018.956.814
	<u><u>5.760.722.688</u></u>	<u><u>8.402.797.697</u></u>

Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC THỤC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2021	01/01/2021
	Địa chỉ	Địa chỉ
	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết	144.000.000.000	119.086.264.942
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Vật tư Nông nghiệp Hồng Hà	Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội
- Công ty Cổ phần Nông sản Ngọc Lặc Xanh	Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Pharma	Quận Ba Đình, TP Hà Nội	Quận Ba Đình, TP Hà Nội
- Công ty Cổ phần Nông Sản Elmaco	H. Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình	H. Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình
	144.000.000.000	119.086.264.942

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀTầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226,
Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TMDV Minh Hiền	-	-	3.134.596.000	-
Công ty CP tinh bột sắn Elmaco Ninh Bình	35.497.041.935	-	24.737.858.985	-
Công ty TNHH Xây dựng Kinh Bắc Thăng Long	9.179.126.105	-	388.755.995	-
Công ty TNHH MTV Nông sản Lương Sơn	-	-	20.264.277.145	-
Công ty TNHH Sài Gòn Đồng Khởi	10.892.898.640	-	-	-
Công ty TNHH Sun Agri Tây Hồ	4.208.148.000	-	-	-
Công ty CP HDC Hà Nội	22.725.618.390	-	11.392.267.560	-
Công ty CP Tập đoàn Elma	1.517.432.040	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Phúc Điền Hậu Giang	3.061.066.168	-	-	-
Công ty CP tập đoàn Hanco Việt Nam	22.026.885.712	-	649.895.150	-
Phải thu khách hàng khác	25.390.789.430	-	21.472.070.991	-
	134.499.006.420	-	82.039.721.826	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ứng trước tiền thu mua nông sản cho nông dân	4.500.000.000	-	8.536.959.420	-
Công ty CP Thực phẩm Lành	-	-	8.940.000.000	-
Đối tượng khác	114.250.000	-	106.500.000	-
	4.614.250.000	-	17.583.459.420	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Cho vay cá nhân	9.000.000.000	-	-	-
	9.000.000.000	-	-	-

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	-	-	650.000.000	-
	-	-	650.000.000	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	7.619.600.400	-
Thành phẩm	10.419.339.689	-	10.373.097.364	-
Hàng hoá	1.495.767.027	-	-	-
	11.915.106.716	-	17.992.697.764	-

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9.994.000.480	6.206.558.499	-	16.200.558.979
- Mua trong kỳ	-	-	4.228.800.000	4.228.800.000
Số dư cuối kỳ	9.994.000.480	6.206.558.499	4.228.800.000	20.429.358.979
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.506.392.043	3.588.691.853	-	6.095.083.896
- Khấu hao trong kỳ	499.700.052	714.749.850	220.250.000	1.434.699.902
Số dư cuối kỳ	3.006.092.095	4.303.441.703	220.250.000	7.529.783.798
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	7.487.608.437	2.617.866.646	-	10.105.475.083
Tại ngày cuối kỳ	6.987.908.385	1.903.116.796	4.008.550.000	12.899.575.181

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀTầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226,
Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.335.838	-
	29.335.838	-
b) Dài hạn		
Chi phí đào đắp san lấp mặt bằng khu vực nhà xưởng tại Bản Cung Tà Làng, Xã Tú Nang, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La	3.008.614.506	3.197.213.785
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.887.322	18.916.666
	3.015.501.828	3.216.130.451

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần thực phẩm Lành Mai Châu	-	-	869.490.000	869.490.000
Công ty CP VBM Bắc Bộ	5.500.026.740	5.500.026.740	4.076.049.515	4.076.049.515
Công ty CP thực phẩm Lành	6.226.820.200	6.226.820.200	-	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu 5T	5.249.285.360	5.249.285.360	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.290.452.318	1.290.452.318	584.762.640	584.762.640
	18.266.584.618	18.266.584.618	5.530.302.155	5.530.302.155

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÁ
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		485.283.930		937.725.851		538.566.931		-			884.442.850
Thuế Thu nhập cá nhân	-		-		2.500.000		2.500.000		-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		15.973.000		15.973.000		-			-
			485.283.930		956.198.851		557.039.931					884.442.850

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	218.357.891	-
	218.357.891	

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

	01/01/2021		Trong kỳ		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	21.300.000.000	14.200.000.000	7.100.000.000	7.100.000.000
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	2.723.000.000	-	2.723.000.000	2.723.000.000
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	8.413.000.000	5.413.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Vay cá nhân (*)	-	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000
			57.436.000.000	19.613.000.000	37.823.000.000	37.823.000.000

(*) Khoản vay cá nhân Ông Nguyễn Tuấn Dũng theo Hợp đồng vay tiền số 03.11/2021/HĐVT-HSL ngày 03/11/2021, thời gian vay: 6 tháng, lãi suất: 6%/năm. Mục đích vay: phục vụ cho các hoạt động đầu tư và bổ sung vốn lưu động cho công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ
Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226, Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại 01/01/2020	157.499.560.000	-	-	2.940.332.357	74.408.340.777	-	234.848.233.134	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tăng vốn bằng tiền tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Lãi trong năm 2020	-	-	-	-	11.791.435.911	-	213.783.754	-	12.005.219.665	12.005.219.665
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	14.171.880.000	-	-	-	(14.171.880.000)	-	-	-	-	-
Công ty con tăng vốn từ lợi nhuận	-	-	39.750.000.000	-	(40.500.000.000)	-	750.000.000	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	942.255.140	(2.826.765.420)	-	-	-	(1.884.510.280)	(1.884.510.280)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận đầu năm	-	-	-	-	(62.983.211)	-	62.983.211	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	171.671.440.000	39.750.000.000	39.750.000.000	3.882.587.497	28.638.148.057	2.026.766.965	245.968.942.519	2.026.766.965	245.968.942.519	245.968.942.519
Số dư tại 01/01/2021	171.671.440.000	39.750.000.000	39.750.000.000	3.882.587.497	28.638.148.057	2.026.766.965	245.968.942.519	2.026.766.965	245.968.942.519	245.968.942.519
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	15.419.457.083	-	15.656.401.790	-	(480.208.786)	15.656.401.790
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	240.104.393	(720.313.179)	-	(480.208.786)	-	(86.264.943)	(86.264.943)
Giảm khác	-	-	-	-	(86.260.777)	-	(4.166)	(4.166)	-	(86.264.943)
Số dư tại 31/12/2021	171.671.440.000	39.750.000.000	39.750.000.000	4.122.691.890	43.251.031.184	2.263.707.506	261.058.870.580	2.263.707.506	261.058.870.580	261.058.870.580

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/HSL ngày 25/03/2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020 như sau: Quỹ Khen thưởng (2% LNST), Quỹ phúc lợi (2% LNST), Quỹ đầu tư phát triển (2% LNST).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của các cổ đông khác	171.671.440.000	100,00%	171.671.440.000	100,00%
	171.671.440.000	100%	171.671.440.000	100%

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	171.671.440.000	171.671.440.000
- Vốn góp đầu kỳ	171.671.440.000	157.499.560.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	14.171.880.000
- Vốn góp cuối kỳ	171.671.440.000	171.671.440.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-

d) **Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.167.144	17.167.144
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.167.144	17.167.144
- Cổ phiếu phổ thông	17.167.144	17.167.144
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.167.144	17.167.144
- Cổ phiếu phổ thông	17.167.144	17.167.144
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) **Các quỹ công ty**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.122.691.890	3.882.587.497
	4.122.691.890	3.882.587.497

17 . **TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	295.871.378.600	242.993.320.551
	295.871.378.600	242.993.320.551

18 . **GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	276.049.055.645	229.413.547.444
	276.049.055.645	229.413.547.444

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀTầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226,
Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	170.305.570	849.740.911
	170.305.570	849.740.911

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	830.239.959	-
	830.239.959	-

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.602.500	-
Chi phí khác bằng tiền	307.240.010	528.602.400
	497.842.510	528.602.400

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	693.978.500	794.272.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.552.508	245.417.164
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	28.780.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	372.080.862	252.649.756
Chi phí khác bằng tiền	456.725.034	140.783.551
	1.896.336.904	1.461.903.492

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
	VND	VND
Truy thu, phạt chậm nộp thuế	173.872.688	6.578.739
Chi phí khác	253.314	98.912
	174.126.002	6.677.651

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀTầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226,
Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021**24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ và công ty con	937.725.850	485.587.133
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	937.725.850	485.587.133

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15.419.457.083	11.791.435.912
Các khoản điều chỉnh	(480.208.786)	(471.657.436)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(480.208.786)	(471.657.436)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.939.248.297	11.319.778.476
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	17.167.144	17.167.144
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	870	659

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.760.722.688	-	8.402.797.697	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	134.499.006.420	-	82.689.721.826	-
Các khoản cho vay	9.000.000.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000	-	-	-
	149.260.729.108	-	91.092.519.523	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀTầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226,
Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	37.823.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	18.266.584.618	5.530.302.155
Chi phí phải trả	218.357.891	-
	56.307.942.509	5.530.302.155

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000	-	-	1.000.000
	1.000.000	-	-	1.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC PHẨM HỒNG HÀ

Tầng 17, Nhà D, Văn phòng Chính phủ - Nhà khách La Thành, số 226,
Vạn Phúc, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý IV năm 2021

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.760.722.688	-	-	5.760.722.688
Phải thu khách hàng, phải thu khác	134.499.006.420	-	-	134.499.006.420
Các khoản cho vay	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
	149.259.729.108	-	-	149.259.729.108
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.402.797.697	-	-	8.402.797.697
Phải thu khách hàng, phải thu khác	82.689.721.826	-	-	82.689.721.826
	91.092.519.523	-	-	91.092.519.523

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	37.823.000.000	-	-	37.823.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	18.266.584.618	-	-	18.266.584.618
Chi phí phải trả	218.357.891	-	-	218.357.891
	56.307.942.509	-	-	56.307.942.509
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.530.302.155	-	-	5.530.302.155
	5.530.302.155	-	-	5.530.302.155

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2021 và các thuyết minh tương ứng là số liệu đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý IV năm 2020 và các thuyết minh tương ứng là số liệu do Công ty tự lập.



Hoàng Thị Kim Lan
 Người lập



Hoàng Thị Kim Lan
 Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Dũng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022